

Năm 2025 Lịch thu gom rác thải cỡ lớn (nhỏ), rác không cháy, rác nguy hại (Theo khu vực trường học và khu vực)

Số	Khu vực trường tiểu học	Năm 2025																		Năm 2026					
		Th4		Th5		Th6		Th7		Th8		Th9		Th10		Th11		Th12		Th1		Th2		Th3	
1	Toyoura	4	T6	21	T4	6	T6	4	T6	5	T3	9	T3	3	T6	5	T4	3	T4	16	T6	6	T6	6	T6
2	Hitaka	4	T6	21	T4	6	T6	4	T6	5	T3	9	T3	3	T6	5	T4	12	T6	16	T6	6	T6	6	T6
3	Tajiri	5	T7	17	T7	14	T7	19	T7	9	T7	3	T4	10	T6	22	T7	12	T6	21	T4	27	T6	11	T4
4	Namekawa	9	T4	21	T4	14	T7	9	T4	12	T3	20	T7	10	T6	22	T7	16	T3	14	T4	20	T6	14	T7
5	Miyata	9	T4	28	T4	18	T4	12	T7	12	T3	3	T4	15	T4	19	T4	12	T6	21	T4	14	T7	11	T4
6	Nakamachi / Nakazato	18	T6	20	T3	20	T6	25	T6	29	T6	26	T6	10	T6	28	T6	16	T3	23	T6	20	T6	17	T3
7	Nakakoji	9	T4	28	T4	18	T4	12	T7	12	T3	3	T4	15	T4	19	T4	12	T6	21	T4	14	T7	11	T4
8	Sukegawa	5	T7	7	T4	3	T3	1	T3	1	T6	2	T3	1	T4	4	T3	2	T3	6	T3	3	T3	3	T3
9	Ose	9	T4	21	T4	14	T7	12	T7	23	T7	3	T4	8	T4	12	T4	3	T4	17	T7	7	T7	7	T7
10	Narusawa	16	T4	21	T4	11	T4	3	T5	16	T7	10	T4	2	T5	1	T7	10	T4	8	T5	7	T7	7	T7
11	Yunago	9	T4	12	T2	14	T7	12	T7	23	T7	3	T4	25	T7	12	T4	3	T4	17	T7	7	T7	7	T7
12	Suwa	5	T7	12	T2	5	T5	19	T7	27	T4	20	T7	23	T5	15	T7	3	T4	8	T5	18	T4	23	T2
13	Kawarago	24	T5	26	T2	30	T2	10	T5	20	T4	17	T4	23	T5	13	T5	24	T4	8	T5	7	T7	7	T7
14	Okubo	19	T7	15	T5	19	T5	3	T5	21	T5	13	T7	2	T5	5	T4	3	T4	15	T5	11	T4	11	T4
15	Hanayama	24	T5	26	T2	30	T2	10	T5	20	T4	17	T4	23	T5	13	T5	24	T4	8	T5	7	T7	7	T7
16	Kanesawa	26	T7	12	T2	26	T5	23	T4	11	T2	20	T7	9	T5	5	T4	11	T5	8	T5	18	T4	25	T4
17	Onuma	23	T4	31	T7	25	T4	19	T7	11	T2	20	T7	29	T4	22	T7	20	T7	21	T4	12	T5	12	T5
18	Mizuki	17	T5	26	T2	5	T5	3	T5	11	T2	11	T5	2	T5	13	T5	15	T2	29	T5	19	T5	26	T5
19	Omika	14	T2	12	T2	27	T6	24	T5	28	T5	26	T6	21	T3	27	T5	19	T6	26	T2	20	T6	26	T5
20	Kuji	1	T3	6	T3	30	T2	18	T6	28	T5	18	T5	31	T6	28	T6	16	T3	30	T6	27	T6	26	T5
21	Sakamoto East	24	T5	12	T2	20	T6	25	T6	28	T5	26	T6	31	T6	28	T6	16	T3	30	T6	27	T6	26	T5
22	Juo ① (Ishi / Ishi Hongo)	25	T6	30	T6	20	T6	25	T6	12	T3	26	T6	10	T6	21	T6	9	T3	30	T6	20	T6	27	T6
23	Juo ① (Yamabe / Takahara / Kurosaka)	25	T6	30	T6	20	T6	25	T6	12	T3	26	T6	10	T6	21	T6	9	T3	30	T6	20	T6	27	T6
24	Juo ② (Tomobe)	24	T5	26	T2	5	T5	17	T5	28	T5	25	T5	30	T5	13	T5	25	T5	22	T5	26	T5	19	T5
25	Juo ② (Tomobe East / Shiro no Oka)	24	T5	26	T2	5	T5	17	T5	28	T5	25	T5	30	T5	13	T5	25	T5	22	T5	26	T5	19	T5